

Cùng Đọc tài liệu tham khảo tổng hợp bài tập Unit 9 lớp 12 trang 46 sách mới như sau:

Hướng dẫn bài Getting started unit 9 lớp 12 trang 46

Mai and Jim are talking about their options after finishing secondary school. Listen and read.

1. Mai and Jim are talking about their options after finishing secondary school. Listen and read. (Mai và Jim đang nói về lựa chọn của mình sau khi học xong trung học. Nghe và đọc.)

Tạm dịch:

Những lựa chọn dành cho học mới ra trường

Mai: Chào, Jim. Mọi thứ thế nào? Bạn trông rất bận rộn!

Jim: Oh, tớ đang lướt net. Tớ đang cố gắng để tìm ra những lựa chọn chuẩn bị cho ra trường.

Mai: Vậy bạn muốn làm gì sau khi tốt nghiệp trung học?

Jim: Hmm tớ không biết, vì vậy tớ đang tìm kiếm các trang web cho lời khuyên nghề nghiệp để tớ có thể đưa ra một kế hoạch.

Mai: Bạn có định đi thẳng tới đại học hay tham gia vào lực lượng lao động mà không cần theo học nữa?

Jim: Đúng, tớ muốn thi vào đại học, nhưng tớ cũng nghĩ đến việc xin việc tạm thời vào mùa hè.

Mai: Bạn đang tìm kiếm công việc gì?

Jim: Tớ đang tìm kiếm công việc trong các công ty tiếp thị. Tớ rất thích tiếp thị qua điện thoại thông minh.

Mai: Tớ hiểu. Bạn muốn có được kinh nghiệm làm việc, và tiết kiệm một số tiền khi học đại học.

Jim: Chính xác. Tớ được đảm bảo trong một trường đại học học về kinh tế. Con bạn thì sao? Bạn đang tìm kiếm sự nghiệp gì, Mai?

Mai: À, tớ rất thích làm việc trong bệnh viện. Tớ muốn trở thành một bác sĩ.

Jim: Sau đó bạn sẽ phải học về thuốc.

Mai: Đúng vậy. Và tớ muốn đi đến một trường đại học y ở Anh. Bạn biết đấy, tớ đã thi IELTS hai tuần trước, và tớ mong đợi các kết quả kỳ thi từ Trung tâm Anh ngữ ở Hội đồng Anh Quốc.

Jim: Tuyệt vời! Bạn đã liên lạc với Trung tâm Anh ngữ chưa?

Mai: Vâng, tớ đã liên lạc. Họ nói rằng họ sẽ gửi cho tớ kết quả vào tuần tới. Nếu tớ đạt được điểm số sàn là 6,5, tớ sẽ xin học bổng và học tập tại Vương quốc Anh.

Jim: Chúc may mắn! Và nhớ tập luyện tiếng Anh thường xuyên hơn.

Mai: Cảm ơn rất nhiều. Tớ sẽ cố gắng hết sức. Tớ muốn nói tiếng Anh lưu loát như bạn.

Jim: Tớ hy vọng giấc mơ của bạn sẽ thành hiện thực.

Mai: Cảm ơn bạn rất nhiều, Jim.

2. Answer the questions. (Trả lời các câu hỏi.)

1. What kind of information is Jim searching for on the Internet? (Jim tìm kiếm những loại thông tin nào trên Internet?)

2. What kind of job does he want to apply for in the summer? (Anh ấy muốn làm gì trong mùa hè này?)

3. What is Mai's dream job? (Công việc mơ ước của Mai là gì?)

4. Who has she been in contact with for the results of her IELTS exams? (Cô ấy đã liên hệ với ai về kết quả cuộc thi IELTS của cô ấy?)

5. What will she do if she gets a band score of 6.5? (Cô ấy sẽ làm gì nếu cô ấy đạt điểm 6.5?)

6. What are your plans after you leave secondary school? (Kế hoạch của bạn sau khi ra trường là gì?)

Trả lời

1. He is searching for career advice.

(Anh ấy tìm kiếm lời khuyên nghề nghiệp.)

2. He wants to apply for a temporary job of smartphone marketing in a marketing company.

(Anh ấy muốn ứng tuyển một công việc tạm thời về tiếp thị trên điện thoại thông minh trong một công ty marketing.)

3. She would like to become a doctor.

(Cô ấy muốn trở thành một bác sĩ.)

4. She has been in contact with (has contacted) The English Language Centre at the British Council (for the results of her IELTS exams).

(Cô ấy đã liên hệ với Trung tâm Anh ngữ tại Hội đồng Anh (cho kết quả thi IELTS của cô ấy.)

5. She will apply for a scholarship and study in the UK.

(Cô ấy sẽ xin học bổng và học tập tại Anh.)

6. After leaving secondary school I am going to a university and study specialized English language.

(Sau khi rời khỏi ghế nhà trường tôi định học đại học và học chuyên ngành ngôn ngữ Anh.)

3. Match the words and phrases in the conversation with their definitions.

(Nối từ và cụm từ trong cuộc trò chuyện với các định nghĩa của chúng.)

1. c

2. d

3. e

4. f

5. a

6. b

Tạm dịch

1. option - c. a choice you can make in a particular situation

(tùy chọn - một lựa chọn mà bạn có thể thực hiện trong một tình huống cụ thể)

2. career - d. a job or profession that you have been trained for, and which you do for a long period of your life

(sự nghiệp - công việc hoặc nghề nghiệp mà bạn đã được đào tạo, và bạn làm việc trong một thời gian dài trong cuộc đời bạn)

3. career advice - e. an opinion about what jobs and professional training might be suitable for someone

(tư vấn nghề nghiệp - ý kiến về công việc và đào tạo chuyên môn có thể phù hợp với ai đó)

4. secure - f. to obtain or achieve something, especially after a lot of effort

(đảm bảo - để có được hoặc đạt được điều gì đó, đặc biệt là sau khi có rất nhiều nỗ lực)

5. workforce - a. people who work in a particular company, or are available to work in a country

(lực lượng lao động - những người làm việc trong một công ty cụ thể hoặc sẵn sàng làm việc ở một quốc gia)

6. temporary - b. continuing for only a limited periods of time

(tạm thời - chỉ trong một thời gian giới hạn)

4. Find sentences with phrasal verbs consisting of a verb, an adverb, and a preposition; and adverbial clauses in the conversation. Write them in the space below.

(Tìm câu có cụm động từ bao gồm một động từ, một trạng từ, và một giới từ; và các mệnh đề phó từ trong cuộc trò chuyện. Viết chúng vào chỗ trống bên dưới.)

- Sentences with phrasal verbs (consisting of a verb, an adverb, and a preposition):

.....

.....

- Sentences with adverbial clauses:

.....

.....

Trả lời

- * Sentences with phrasal verbs (consisting of a verb, an adverb, and a preposition):

(Các câu với cụm động từ (bao gồm một động từ, một trạng từ, và một giới từ))

I don't know, so I'm searching for websites offering career advice so that I can come up with a plan.

(Tôi không biết, vì vậy tôi đang tìm kiếm các trang web cung cấp lời khuyên nghề nghiệp để tôi có thể đưa ra một kế hoạch.)

I'm looking forward to the exam results from The English Language Centre at the British Council.

(Tôi mong đợi kết quả thi từ Trung tâm Anh ngữ tại Hội đồng Anh.)

[Getting started unit 9 lớp 12 trang 46 sách mới](#)

* Sentences with adverbial clauses:

(Các câu có mệnh đề trạng ngữ)

If I get a band score of 6.5, I'll apply for a scholarship and study in the UK.

(Nếu tôi đạt được điểm số band nhạc là 6,5, tôi sẽ xin học bổng và học tập tại Vương quốc Anh.)

I want to speak English as fluently as you.

(Tôi muốn nói tiếng Anh nhẹ nhàng như bạn.)

-/-

Trên đây là hướng dẫn giải tiếng anh 12 trong bài Getting started unit 9 lớp 12 trang 46 mà các em cần thực hiện. Để ghi nhớ tốt hơn kiến thức các em có thể tải file tải liệu đính kèm bên dưới nhé!

- [giải tiếng anh 12](#) - Đọc tài liệu